

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG  
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO

**CHÍNH SÁCH  
ƯU ĐÃI VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ  
VÀO KHU CÔNG NGHỆ CAO ĐÀ NẴNG**

**BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO ĐÀ NẴNG**

ĐT: (84) 511 3626703 - (84) 511 3626704

Fax: (84) 511 3626705

Email: [dhtp@danang.gov.vn](mailto:dhtp@danang.gov.vn)

Website: [www.dhtp.gov.vn](http://www.dhtp.gov.vn), [www.dhtp.vn](http://www.dhtp.vn)



# MỤC LỤC

ST	NỘI DUNG	TRANG
<b>PHẦN I</b>	<b>QUY ĐỊNH CỦA UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG VỀ CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ VÀO KHU CÔNG NGHỆ CAO</b>	<b>1</b>
<b>PHẦN II</b>	<b>TRÍCH DẪN MỘT SỐ CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI VỀ THUẾ VÀ CÁC QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN</b>	<b>9</b>
<b>I</b>	<b>MỘT SỐ CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI VỀ THUẾ</b>	<b>9</b>
1	Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp	9
2	Ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu	9
3	Ưu đãi về thuế giá trị gia tăng	11
4	Ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân	12
<b>II</b>	<b>DANH MỤC CÔNG NGHỆ CAO ĐƯỢC ƯU TIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ DANH MỤC SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ĐƯỢC KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN</b>	<b>14</b>
<b>III</b>	<b>DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ CHO CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO</b>	<b>22</b>
<b>IV</b>	<b>TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH DỰ ÁN SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO</b>	<b>22</b>



# PHẦN I. QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ VÀO KHU CÔNG NGHỆ CAO ĐÀ NẴNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2013/QĐ-UBND ngày 13/11/2013 của UBND thành phố Đà Nẵng)

## CHƯƠNG 1 - NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy định này quy định về Chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đối với các dự án đầu tư vào Khu công nghệ cao Đà Nẵng.
- Ngoài các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư của thành phố tại Quy định này, các dự án đầu tư vào Khu công nghệ cao Đà Nẵng được hưởng đầy đủ các chính sách ưu đãi khác theo quy định hiện hành của pháp luật.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam ở nước ngoài và tổ chức, cá nhân nước ngoài có dự án đầu tư vào Khu công nghệ cao Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là nhà đầu tư).

## CHƯƠNG 2 - CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

### Điều 3. Chuẩn bị mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật dùng chung của Khu công nghệ cao Đà Nẵng

- UBND thành phố Đà Nẵng chịu trách nhiệm chuẩn bị trước mặt bằng và đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật dùng chung của Khu công nghệ cao Đà Nẵng, bao gồm: Hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin, hệ thống giao thông, điện, nước đến chân tường rào doanh nghiệp và xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghệ cao Đà Nẵng.
- Ban Quản lý Khu công nghệ cao Đà Nẵng có trách nhiệm tham mưu cho UBND thành phố về việc triển khai xây dựng hạ tầng kỹ thuật dùng chung của Khu công nghệ cao Đà Nẵng.

### Điều 4. Các trường hợp được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

- Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật chung của Khu công nghệ cao; dự án đầu tư vào khu đào tạo, khu nghiên cứu phát triển và ứng dụng

công nghệ cao, khu ương tạo doanh nghiệp công nghệ cao nhằm hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu, sản xuất thử, hình thành doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao được ưu đãi như sau:

- a) Tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được giao đất không thu tiền sử dụng đất.
- b) Tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài được thuê đất miễn nộp tiền thuê đất.

**2.** Miễn 11 năm tiền thuê đất (kể từ ngày xây dựng hoàn thành đưa dự án vào hoạt động) đối với các dự án xây dựng nhà ở để cho thuê trong Khu công nghệ cao Đà Nẵng.

**3.** Miễn tiền thuê đất từ 03 - 11 năm đối với các dự án đầu tư vào Khu công nghệ cao Đà Nẵng thuộc thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

## **Điều 5. Giá thuê đất**

**1.** Giá thuê đất đã có hệ thống hạ tầng kỹ thuật dùng chung đối với các dự án đầu tư vào Khu công nghệ cao Đà Nẵng cụ thể như sau:

Phương thức trả tiền thuê đất	Giá thuê đất (đồng/m <sup>2</sup> /năm)	
	Dự án sản xuất	Dự án kinh doanh dịch vụ
- Trả từng năm	8.400	10.500
- Trả 10 năm một lần	7.350	9.450
- Trả một lần cho toàn bộ thời gian thuê	5.250	7.350

*Giá thuê đất nêu trên không bao gồm Thuế giá trị gia tăng*

**2.** Giá thuê đất quy định tại khoản 1 Điều này được giữ ổn định trong vòng 05 năm kể từ ngày Quy định này có hiệu lực thi hành. Sau 05 năm, UBND thành phố Đà Nẵng có thể điều chỉnh giá thuê đất của kỳ ổn định 05 năm tiếp theo cho phù hợp với giá cả thị trường tại thời điểm điều chỉnh.

**3.** Nhà đầu tư trả tiền thuê đất theo phương thức “trả một lần cho toàn bộ thời gian thuê” được giữ ổn định giá thuê đất đến hết thời hạn đã nộp tiền thuê đất trước đó, kể cả khi Nhà nước có điều chỉnh giá thuê đất.

**4.** Nhà đầu tư trả tiền thuê đất theo phương thức “trả 10 năm một lần” thì giá thuê đất của mỗi kỳ 10 năm tiếp theo được áp dụng theo giá thuê đất do UBND thành phố Đà Nẵng quy định tại thời điểm 10 năm tiếp theo đó.

**5.** Nhà đầu tư trả tiền thuê đất theo phương thức “trả từng năm” thì giá thuê đất được giữ ổn định trong vòng 05 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng thuê đất. Sau 05 năm đầu, giá thuê đất của mỗi kỳ 05 năm sau được áp dụng theo giá thuê đất do UBND thành phố Đà Nẵng quy định tại thời điểm 05 năm tiếp theo đó.

**6.** Trường hợp doanh nghiệp phát triển hạ tầng Khu công nghệ cao được quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cho thuê lại đất thì giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giá cho thuê lại đất phải được sự đồng ý của UBND thành phố trên cơ sở đề xuất của Ban Quản lý Khu công nghệ cao Đà Nẵng.

**7.** Đối với một số dự án đặc biệt cần thu hút đầu tư vào Khu công nghệ cao Đà Nẵng, giá thuê đất sẽ do UBND thành phố Đà Nẵng quyết định.

**8.** Các dự án sản xuất sản phẩm thuộc Nhóm VI - Các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho công nghiệp công nghệ cao trong Danh mục các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển, ban hành kèm theo Quyết định số 1483/QĐ-TTg ngày 26 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ, được hưởng mức giá thuê đất quy định tại Khoản 1 Điều này.

#### **Điều 6. Giá đất tính thu tiền sử dụng đất khi nhà đầu tư nhận giao đất**

**1.** Nhà đầu tư nhận giao đất theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất thì giá đất tính thu tiền sử dụng đất áp dụng theo quy định của UBND thành phố Đà Nẵng.

**2.** Giá đất tính thu tiền sử dụng đất là giá đất theo mục đích sử dụng đất được giao tại thời điểm có quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; trường hợp thời điểm bàn giao đất không đúng với thời điểm

ghi trong quyết định giao đất thì giá đất tính thu tiền sử dụng đất là giá đất được giao tại thời điểm bàn giao đất thực tế.

### **Điều 7. Tiền sử dụng hạ tầng và tiền xử lý nước thải**

1. Tiền sử dụng hạ tầng và tiền xử lý nước thải áp dụng cho các dự án nhận giao đất hoặc thuê đất tại Khu công nghệ cao Đà Nẵng cụ thể như sau:

a) Tiền sử dụng hạ tầng: 4.200 đồng/m<sup>2</sup>/năm. Thanh toán 6 tháng 1 lần vào tháng đầu tiên của mỗi kỳ thanh toán.

b) Tiền xử lý nước thải: Từ 4.200 - 6.300 đồng/m<sup>3</sup>.

2. Tiền sử dụng hạ tầng và tiền xử lý nước thải quy định tại khoản 1 Điều này không bao gồm Thuế giá trị gia tăng và được giữ ổn định trong vòng 05 năm kể từ ngày Quy định này có hiệu lực thi hành. Sau 05 năm, UBND thành phố Đà Nẵng có thể điều chỉnh tiền sử dụng hạ tầng và tiền xử lý nước thải của kỳ ổn định 05 năm tiếp theo cho phù hợp với giá cả thị trường tại thời điểm điều chỉnh.

### **Điều 8. Ưu đãi về tiền sử dụng hạ tầng**

1. Các dự án nhận giao đất hoặc thuê đất tại Khu công nghệ cao Đà Nẵng được ưu đãi về tiền sử dụng hạ tầng như sau:

a) Các dự án nghiên cứu - phát triển công nghệ cao, ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, đào tạo nhân lực công nghệ cao được hỗ trợ 100% tiền sử dụng hạ tầng trong 02 năm đầu kể từ ngày nhận giao đất và hỗ trợ 50% tiền sử dụng hạ tầng trong 03 năm tiếp theo của dự án;

b) Các dự án thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, ban hành kèm theo Quyết định số 49/2010/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, được hỗ trợ 100% tiền sử dụng hạ tầng trong 02 năm đầu kể từ ngày nhận giao đất.

c) Các dự án sản xuất các sản phẩm thuộc Nhóm VI - Các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho công nghiệp công nghệ cao, trong Danh mục các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển, ban hành kèm theo

Quyết định số 1483/QĐ-TTg ngày 26 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ, được hỗ trợ 50% tiền sử dụng hạ tầng trong vòng 02 năm đầu kể từ ngày nhận giao đất.

2. Đối với một số dự án đặc biệt cần thu hút đầu tư vào Khu công nghệ cao Đà Nẵng, ưu đãi về tiền sử dụng hạ tầng sẽ do UBND thành phố Đà Nẵng quyết định.

### **Điều 9. Ưu đãi về thuế**

Nhà đầu tư được hưởng đầy đủ các chính sách ưu đãi về thuế cho dự án đầu tư vào Khu công nghệ cao theo quy định pháp luật hiện hành.

### **Điều 10. Thủ tục giao đất, cho thuê đất**

1. Ban Quản lý Khu công nghệ cao Đà Nẵng là đầu mối tiếp nhận, hướng dẫn nhà đầu tư các thủ tục về: giao đất, cho thuê đất, giao mặt bằng và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các dự án đầu tư vào Khu công nghệ cao Đà Nẵng.

## **CHƯƠNG 3 - CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ**

### **Điều 11. Cung ứng dịch vụ hành chính “một cửa”**

Ban Quản lý Khu công nghệ cao Đà Nẵng thực hiện cơ chế “một cửa” để hỗ trợ nhà đầu tư giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý.

### **Điều 12. Hỗ trợ thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh, cư trú**

1. Người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài làm việc cho các dự án đầu tư tại Khu công nghệ cao Đà Nẵng và các thành viên của gia đình họ được xem xét gia hạn tạm trú, cấp thị thực, cấp thẻ tạm trú phù hợp với mục đích nhập cảnh theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài làm việc cho các dự án đầu tư tại Khu công nghệ cao Đà Nẵng và các thành viên của gia đình họ được tạo điều kiện thuận lợi về cư trú, thuê nhà ở trong Khu công nghệ cao Đà Nẵng theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam.

### **Điều 13. Hỗ trợ thu hút nguồn nhân lực công nghệ cao**

1. Ban Quản lý Khu công nghệ cao Đà Nẵng hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc tìm kiếm, tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực công nghệ cao phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp. Đồng thời, tạo điều kiện và tổ chức cho các doanh nghiệp gặp gỡ các cơ sở đào tạo trong nước để tuyển dụng sinh viên xuất sắc nếu doanh nghiệp có yêu cầu.

2. Các chuyên gia trong nước và nước ngoài làm việc tại các trường đại học, viện, trung tâm nghiên cứu, doanh nghiệp trong Khu công nghệ cao Đà Nẵng mà không có chỗ ở, được UBND thành phố xem xét hỗ trợ tiền thuê nhà trong vòng 6 (sáu) tháng làm việc đầu tiên. Mức hỗ trợ tối đa không quá 2.000.000 (hai triệu) đồng/người/tháng.

### **Điều 14. Hỗ trợ vay vốn**

Nhà đầu tư là pháp nhân có dự án đầu tư vào Khu công nghệ cao Đà Nẵng phù hợp với mục tiêu, đối tượng đầu tư của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng, được UBND thành phố Đà Nẵng xem xét cho phép đầu tư bằng hình thức đầu tư trực tiếp hoặc cho vay đầu tư từ các nguồn vốn của Quỹ.

## **CHƯƠNG 4 - TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 15. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, địa phương**

1. Ban Quản lý Khu công nghệ cao Đà Nẵng chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện Quy định này; định kỳ hằng năm, báo cáo UBND thành phố tình hình thực hiện.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Ban Quản lý Khu công nghệ cao Đà Nẵng làm việc với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng, Quỹ Đầu tư phát triển thành phố giải quyết cho vay vốn để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật dùng chung của Khu công nghệ cao Đà Nẵng thuộc đối tượng vay vốn tín dụng đầu tư theo quy định hiện hành.

3. Sở Ngoại vụ, Trung tâm Xúc tiến đầu tư thành phố phối hợp với Ban Quản lý Khu công nghệ cao Đà Nẵng và các cơ quan liên quan quảng bá và kêu gọi các dự án đầu tư vào Khu công nghệ cao Đà Nẵng; tuyên truyền,



quảng bá Chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư này đến các nhà đầu tư.

**4.** Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các dự án đầu tư vào Khu công nghệ cao Đà Nẵng.

**5.** Cục Thuế thành phố Đà Nẵng, Cục Hải quan thành phố Đà Nẵng hướng dẫn và hỗ trợ các nhà đầu tư thực hiện các chính sách ưu đãi của pháp luật về thuế và thủ tục hải quan.

**6.** Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng, Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng và Viễn thông Đà Nẵng xây dựng hệ thống cấp nước, cấp điện và viễn thông đến chân tường rào dự án và công khai giá điện, nước và viễn thông để nhà đầu tư biết.

**7.** Công an thành phố Đà Nẵng (Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh) có trách nhiệm tiếp nhận, hướng dẫn, giải quyết, tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài làm việc cho các dự án đầu tư tại Khu công nghệ cao Đà Nẵng và thành viên của gia đình họ về cư trú, khai báo tạm trú và các thủ tục liên quan đến xuất nhập cảnh theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam.

**8.** Các sở, ban, ngành có liên quan và UBND huyện Hòa Vang căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình, phối hợp với Ban Quản lý Khu công nghệ cao Đà Nẵng thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với Khu công nghệ cao Đà Nẵng.

#### **Điều 16. Trách nhiệm của nhà đầu tư**

**1.** Nhà đầu tư chịu trách nhiệm triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật, đúng nội dung và tiến độ đã cam kết. Sau 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, nếu dự án chưa triển khai thực hiện mà không có lý do chính đáng sẽ bị thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật.

**2.** Trường hợp dự án có lý do chính đáng về việc triển khai chậm tiến độ đã cam kết, nhà đầu tư phải báo cáo giải trình, cam kết lại tiến độ thực hiện với Ban Quản lý Khu công nghệ cao Đà Nẵng để xem xét giãn tiến độ.

**3.** Nhà đầu tư thuộc diện được hưởng các chính sách hỗ trợ theo quy định này chịu trách nhiệm đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các hồ sơ, chứng từ thanh quyết toán theo quy định.

**Điều 17. Sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh Quy định**

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có các vướng mắc phát sinh, các sở, ban, ngành và các cơ quan liên quan phản ánh bằng văn bản về Ban Quản lý Khu công nghệ cao Đà Nẵng để tổng hợp, tham mưu cho UBND thành phố xem xét, sửa đổi.



## PHẦN II. TRÍCH DẪN MỘT SỐ CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI VỀ THUẾ VÀ CÁC QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN

### I. MỘT SỐ CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI VỀ THUẾ

#### 1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp <sup>(1)</sup>

Áp dụng thuế suất 10% trong thời gian 15 năm, trong đó miễn tối đa 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa 9 năm tiếp theo đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại Khu công nghệ cao Đà Nẵng.

#### 2. Ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu <sup>(2)</sup>

STT	Đối tượng	Chế độ ưu đãi
1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hàng hoá tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập để tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm; máy móc, thiết bị, dụng cụ nghề nghiệp tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định;</li> <li>- Hàng hoá là tài sản di chuyển của tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc nước ngoài mang vào Việt Nam hoặc mang ra nước ngoài trong mức quy định;</li> <li>- Hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư vào lĩnh vực sản xuất vật liệu mới, năng lượng mới; sản xuất sản phẩm công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin; cơ khí chế tạo; nghiên cứu, phát triển và ương tạo công nghệ cao.</li> </ul>	Miễn thuế xuất khẩu hoặc/và thuế nhập khẩu.

(1) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013;

(2) Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14/6/2005; Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu

	- Hàng hóa nhập khẩu để sử dụng trực tiếp vào hoạt động nghiên cứu phát triển công nghệ, đổi mới công nghệ, bao gồm: máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư, phương tiện vận tải trong nước chưa sản xuất được, công nghệ trong nước chưa tạo ra được; tài liệu, sách báo khoa học.	
2	Hàng hoá nhập khẩu để gia công cho phía nước ngoài (bao gồm cả hàng hoá nhập khẩu để gia công cho phía nước ngoài được phép tiêu hủy tại Việt Nam theo quy định của pháp luật sau khi thanh lý, thanh khoản hợp đồng gia công)	Miễn thuế nhập khẩu. Khi xuất trả sản phẩm cho phía nước ngoài được miễn thuế xuất khẩu.
3	Hàng hoá xuất khẩu ra nước ngoài để gia công cho phía Việt Nam	Miễn thuế xuất khẩu. Đồng thời, khi nhập khẩu trở lại được miễn thuế nhập khẩu trên phần trị giá của hàng hoá xuất khẩu ra nước ngoài để gia công theo hợp đồng
4	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được được nhập khẩu để phục vụ sản xuất của các dự án đầu tư sản xuất vật liệu mới, năng lượng mới; sản xuất sản phẩm công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin; cơ khí chế tạo; nghiên cứu, phát triển và ương tạo công nghệ cao	Miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày bắt đầu sản xuất

### 3. Ưu đãi về thuế giá trị gia tăng <sup>(3)</sup>

STT	Đối tượng	Chế độ ưu đãi
1	Máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để sử dụng trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ	Miễn thuế
2	Hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu được tiêu dùng ở ngoài lãnh thổ Việt Nam, trong khu phi thuế quan; hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài	Thuế suất 0%
3	Dịch vụ khoa học và công nghệ là các hoạt động phục vụ, hỗ trợ kỹ thuật cho việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, an toàn bức xạ, hạt nhân và năng lượng nguyên tử; dịch vụ về thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội	Thuế suất 5%

<sup>(3)</sup> Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng số 31/2013/QH13 ngày 19/6/2013; Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013.

**4. Ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân <sup>(4)</sup>**

STT	Đối tượng	Chế độ ưu đãi
1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thu nhập từ kiều hối được miễn thuế là khoản tiền cá nhân nhận được từ nước ngoài do thân nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người Việt Nam đi lao động, công tác, học tập tại nước ngoài gửi tiền về cho thân nhân ở trong nước</li> <li>- Thu nhập từ phần tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ được trả cao hơn so với tiền lương, tiền công làm việc ban ngày, làm việc trong giờ theo quy định của Bộ luật Lao động</li> </ul>	Miễn thuế thu nhập cá nhân
2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản hỗ trợ của người sử dụng lao động cho việc khám chữa bệnh hiểm nghèo cho bản thân người lao động và thân nhân của người lao động</li> <li>- Khoản tiền ăn giữa ca, ăn trưa do người sử dụng lao động tổ chức bữa ăn giữa, ăn trưa ca cho người lao động dưới các hình thức như trực tiếp nấu ăn, mua suất ăn, cấp phiếu ăn</li> <li>- Khoản tiền mua vé máy bay khứ hồi do người sử dụng lao động trả hộ (hoặc thanh toán) cho người lao động là người</li> </ul>	Không tính vào thu nhập chịu thuế

<sup>(4)</sup> Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân số 26/2012/QH13 ngày 22/11/2012; Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân; Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

	<p>nước ngoài làm việc tại Việt Nam, người lao động là người Việt Nam làm việc ở nước ngoài về phép mỗi năm một lần. Căn cứ xác định khoản tiền mua vé máy bay là hợp đồng lao động và khoản tiền thanh toán vé máy bay từ Việt Nam đến quốc gia người nước ngoài mang quốc tịch hoặc quốc gia nơi gia đình người nước ngoài sinh sống và ngược lại; khoản tiền thanh toán vé máy bay từ quốc gia nơi người Việt Nam đang làm việc về Việt Nam và ngược lại</p> <p>- Khoản tiền học phí cho con của người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam học tại Việt Nam, con của người lao động Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài học tại nước ngoài theo bậc học từ mầm non đến trung học phổ thông do người sử dụng lao động trả hộ</p>	
<p>3</p>	<p>Trường hợp người nộp thuế gặp khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo ảnh hưởng đến khả năng nộp thuế</p>	<p>Được xét giảm thuế tương ứng với mức độ thiệt hại nhưng không vượt quá số thuế phải nộp</p>

## **II. DANH MỤC CÔNG NGHỆ CAO ĐƯỢC ƯU TIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ DANH MỤC SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ĐƯỢC KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 49/2010/QĐ-TTg ngày 19/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển)*

### **A. DANH MỤC CÔNG NGHỆ CAO ĐƯỢC ƯU TIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**

- 1 Công nghệ thiết kế, chế tạo các bộ vi xử lý, mạch tích hợp và bộ nhớ máy tính có dung lượng cao.
- 2 Công nghệ các hệ thống nhúng.
- 3 Công nghệ nhận dạng chữ viết, tiếng nói, hình ảnh, cử chỉ, chuyển động và ý nghĩ.
- 4 Công nghệ màn hình độ phân giải cao.
- 5 Công nghệ mạng thế hệ sau.
- 6 Công nghệ tính toán phân tán và tính toán hiệu năng cao.
- 7 Công nghệ ảo hóa và tính toán đám mây (virtualization & cloud computing).
- 8 Công nghệ Internet IPv6. Công nghệ Internet di động.
- 9 Công nghệ chế tạo hệ điều hành cho máy tính và các thiết bị di động.
- 10 Công nghệ đảm bảo an ninh, an toàn mạng và bí mật thông tin ở mức cao.
- 11 Công nghệ truyền hình số mặt đất. Công nghệ truyền hình số vệ tinh thế hệ thứ 2.
- 12 Công nghệ gen ứng dụng trong chẩn đoán, giám định, điều trị.
- 13 Công nghệ gen ứng dụng trong chế tạo, sản xuất vắc-xin tái tổ hợp.
- 14 Công nghệ gen ứng dụng trong chế tạo, sản xuất protein tái tổ hợp.
- 15 Công nghệ chuyển gen trên động vật, thực vật, vi sinh vật định hướng tạo ra các sản phẩm có giá trị cao ứng dụng trong y tế, nông nghiệp, công nghiệp và bảo vệ môi trường.



- 16 Công nghệ tế bào gốc ứng dụng trong chẩn đoán, điều trị; ứng dụng trong thay thế các mô, cơ quan.
- 17 Công nghệ tế bào mô, phi động vật; công nghệ nuôi cấy mô tế bào thực vật.
- 18 Công nghệ sản xuất enzym, protein.
- 19 Công nghệ lên men quy mô công nghiệp cho các chủng giống vi sinh vật tái tổ hợp.
- 20 Công nghệ vi sinh trong xử lý ô nhiễm môi trường.
- 21 Công nghệ chế tạo robot.
- 22 Công nghệ thiết kế và sản xuất nhờ máy tính (CAD/CAM), công nghệ sản xuất linh hoạt (FMS) cho các sản phẩm có độ phức tạp cao.
- 23 Công nghệ điều khiển độ chính xác gia công cơ khí.
- 24 Công nghệ chế tạo các thiết bị nghi khí hàng hải chuyên dụng trên tàu thủy.
- 25 Công nghệ thiết kế, chế tạo, lắp ráp hạ thủy giàn khoan và các kết cấu siêu trường siêu trọng phục vụ ngành dầu khí.
- 26 Công nghệ thiết kế chế tạo các thiết bị điều khiển, bộ biến đổi điện tử công suất dùng cho ngành điện và các máy tự động trong cơ khí chế tạo, tàu thủy, giao thông.
- 27 Công nghệ thiết kế và chế tạo các thiết bị đo lường, các cơ cấu chấp hành, các bộ điều khiển và giám sát tự động cho các hệ thống thiết bị đồng bộ trong các nhà máy lọc hóa dầu, nhà máy điện, nhà máy xi măng, dây chuyền sản xuất, chế biến thực phẩm, dược phẩm.
- 28 Công nghệ thiết kế và chế tạo chip chuyên dụng cho các cơ cấu đo lường và các hệ điều khiển.
- 29 Công nghệ chế tạo các thiết bị phục vụ chẩn đoán bằng hình ảnh dùng trong y tế; thiết bị y tế sử dụng công nghệ hạt nhân.
- 30 Công nghệ vũ trụ.

- 31 Công nghệ vật liệu nano.
- 32 Công nghệ hệ thống vi cơ điện tử (MEMS), hệ thống nano cơ điện tử (NEMS) và cảm biến theo nguyên lý mới.
- 33 Công nghệ vật liệu linh kiện quang điện tử (optoelectronics) và quang tử (photonics).
- 34 Công nghệ sản xuất gang và hợp kim đặc biệt.
- 35 Công nghệ xử lý bề mặt và hàn trong môi trường đặc biệt.
- 36 Công nghệ chế tạo vật liệu siêu bền, siêu nhẹ, thân thiện với môi trường hoặc sử dụng trong môi trường khắc nghiệt.
- 37 Công nghệ chế tạo sơn chuyên dụng cao cấp, thân thiện với môi trường.
- 38 Công nghệ sản xuất polyme sinh học có khả năng tự phân hủy.
- 39 Công nghệ sản xuất vật liệu polyme tổ hợp và polyme compozit chất lượng cao, bền với khí hậu nhiệt đới.
- 40 Công nghệ chế tạo cao su kỹ thuật, cao su tổng hợp chuyên dụng cho chế tạo máy, điện, điện tử, an ninh quốc phòng.
- 41 Công nghệ sản xuất gốm sứ kỹ thuật cao cấp cho công nghiệp điện, điện tử, chế tạo máy. Công nghệ sản xuất sứ dẫn dụng cao cấp.
- 42 Công nghệ chuyển hóa và lưu trữ các nguồn năng lượng tái tạo.
- 43 Công nghệ thiết kế tàu thủy cỡ lớn, tàu có tính năng phức tạp.
- 44 Công nghệ chế tạo các vật liệu compozit dạng dẻo, dạng bimetal.
- 45 Công nghệ gia công vật liệu bằng siêu âm, tia lửa điện, plasma, laser, điều khiển kỹ thuật số.
- 46 Công nghệ chế tạo vật liệu sợi thủy tinh đặc biệt, sợi quang, sợi cacbon.

## B. DANH MỤC SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ĐƯỢC KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN

- 1 Các bộ vi xử lý, mạch tích hợp và bộ nhớ máy tính (trong và ngoài) có dung lượng cao.
- 2 Hệ thống vi cơ điện tử (MEMS), hệ thống nano cơ điện tử (NEMS) và thiết bị sử dụng hệ thống vi cơ điện tử, hệ thống nano cơ điện tử.
- 3 Pin, ắc quy có hiệu năng cao cho các thiết bị thông tin và truyền thông.
- 4 Thiết bị nhận dạng chữ viết, tiếng nói, hình ảnh, cử chỉ, chuyển động và ý nghĩ.
- 5 Màn hình độ phân giải cao.
- 6 Thiết bị và mạng thế hệ sau.
- 7 Thiết bị chuyển mạch quang tự động.
- 8 Thiết bị truyền dữ liệu bằng laser.
- 9 Module và các thiết bị điều khiển thiết bị đầu cuối 3G và mạng thế hệ sau.
- 10 Thiết bị truy nhập vô tuyến BTS Indoor/Outdoor và các thiết bị đầu cuối: Setup Box; Fix-phone; IP-phone; G-phone; Modem ADSL2+; VDSL2+; SHDSL.
- 11 Vệ tinh và thiết bị vệ tinh.
- 12 Thiết bị và trạm thu phát đầu cuối của vệ tinh.
- 13 Siêu máy tính, máy tính song song, máy tính hiệu năng cao.
- 14 Thiết bị và mạng Internet IPv6, Thiết bị và mạng Internet di động.
- 15 Thiết bị đảm bảo an ninh, an toàn mạng và bí mật thông tin ở mức cao.
- 16 Thiết bị giám sát thông minh.

- 17 Thẻ thông minh và đầu đọc thẻ thông minh.
- 18 Thiết bị in thẻ RFID và thiết bị đọc thẻ RFID.
- 19 Hệ điều hành máy tính cho máy tính chuyên dụng, hệ điều hành cho các thiết bị di động.
- 20 Thiết kế và tối ưu hóa các mạng lưới và hệ thống viễn thông trong hạ tầng viễn thông quốc gia.
- 21 Giao diện máy tính và thiết bị di động bằng ngôn ngữ tiếng Việt.
- 22 Phần mềm đảm bảo an ninh, an toàn mạng và bí mật thông tin ở mức cao.
- 23 Phần mềm điều khiển thiết bị đầu cuối 3G và mạng thế hệ sau. Soft phone và codecs hỗ trợ đa dịch vụ trên nền 3G và mạng thế hệ sau.
- 24 Phần mềm cho hệ thống ứng dụng RFID. Phần mềm xử lý thông tin Y - Sinh.
- 25 Hệ dịch tự động văn bản đa ngôn ngữ.
- 26 Phần mềm và thiết bị nhận dạng chữ viết, hình ảnh và âm thanh, cử chỉ, chuyển động, ý nghĩ.
- 27 Dịch vụ thiết kế và tích hợp hệ thống ứng dụng Web thế hệ mới, Internet IPv6, Internet di động.
- 28 Dịch vụ thiết kế và tích hợp hệ thống tính toán đám mây (Cloud computing).
- 29 Dịch vụ ứng dụng công nghệ GPS/GIS trong công tác quản lý phương tiện.
- 30 Các thiết bị thu, phát và chuyển đổi sử dụng trong truyền hình số mặt đất; thu, phát sử dụng công nghệ truyền hình số vệ tinh thế hệ 2.
- 31 Protein, enzym tái tổ hợp sử dụng trong dược phẩm, thực phẩm, công nghiệp và xử lý môi trường.

- 32 Vắc-xin ADN tái tổ hợp, vắc-xin protein tái tổ hợp dùng cho người, gia súc, gia cầm và thủy sản.
- 33 Bộ sinh phẩm chẩn đoán các loại bệnh, kiểm soát an toàn thực phẩm.
- 34 Giống cây trồng, vật nuôi, vi sinh vật chuyển gen.
- 35 Dịch vụ giám định gen.
- 36 Mô và các cơ quan thay thế được tạo ra từ tế bào gốc.
- 37 Các giống cây trồng, vật nuôi mới được tạo ra trên nền công nghệ tế bào.
- 38 Các giống cây trồng, vật nuôi mới, sạch bệnh, năng suất cao, chất lượng cao được sản xuất ở quy mô công nghiệp.
- 39 Chế phẩm vi sinh vật dùng trong nông nghiệp, xử lý môi trường (đạt tiêu chuẩn quốc tế).
- 40 Chip sinh học. Cắm biến sinh học.
- 41 Nhiên liệu sinh học được sản xuất bằng công nghệ sinh học từ tảo, phế phẩm nông nghiệp, chất thải.
- 42 Robot công nghiệp chuỗi hở; Robot song song có 3 bậc tự do trở lên.
- 43 Bộ điều khiển số (CNC) cho các máy công cụ và các máy gia công chế tạo.
- 44 Động cơ AC servo chuyên dụng, hệ truyền động servo nhiều trục, hộp giảm tốc có độ chính xác cao cho robot và máy CNC.
- 45 Thiết bị và hệ thống tự động chuyên dụng cho các loại cầu trọng lực, trọng tải lớn.
- 46 Hệ thống tự động cân bằng trong tàu thủy.
- 47 Giàn khoan tự nâng, nửa nổi nửa chìm cho khai thác dầu khí.
- 48 Hệ thống thiết bị đo lường, các cơ cấu chấp hành, các bộ điều

kiểm và giám sát tự động cho các hệ thống thiết bị đồng bộ trong các nhà máy lọc hóa dầu, nhà máy điện, nhà máy xi măng, dây chuyền sản xuất thực phẩm, dược phẩm, nông nghiệp.

- 49 Hệ SCADA cho lưới điện. Bộ bảo vệ rơ le kỹ thuật số cho hệ thống điện.
- 50 Bộ biến đổi thông minh từ năng lượng gió và mặt trời (Smart solar/wind inverter). Tấm pin năng lượng mặt trời thông minh kết nối điện lưới và Internet.
- 51 Thiết bị và trạm phát điện dùng năng lượng gió, mặt trời, thủy triều. Động cơ đốt ngoài Stirling.
- 52 Thiết bị y tế kỹ thuật số: máy X quang, máy siêu âm màu, máy điện não. Thiết bị laser y tế. Động cơ, máy khoan dùng cho nha khoa.
- 53 Thiết bị biến đổi điện tử công suất dùng cho trạm phát điện năng lượng tái tạo, truyền tải điện thông minh, động cơ chuyên dụng, các loại cầu trọng lực, trọng tải lớn, tàu thủy, giao thông.
- 54 Chip chuyên dụng cho các cơ cấu đo lường, chấp hành và bộ điều khiển. Cảm biến và cơ cấu chấp hành thông minh.
- 55 Phần mềm nền tảng chuyên dụng cho đo lường và điều khiển.
- 56 Máy hiển vi quét đầu dò trong ứng dụng phân tích hóa học, vật lý, sinh học và xử lý gia công ở mức phân tử.
- 57 Vật liệu nano cho công nghiệp, nông nghiệp, y tế, sinh học và môi trường; nano composit cho một số ngành công nghiệp.
- 58 Vật liệu linh kiện vi cơ điện tử và cảm biến theo nguyên lý mới.
- 59 Vật liệu bán dẫn để chế tạo mạch tổ hợp (IC) và linh kiện điện tử chuyên dụng.
- 60 Vật liệu quang điện tử (optoelectronics) và quang tử (photonics) phục vụ cho viễn thông, tự động hóa, robot, hiển thị phẳng phân giải cao, chiếu sáng hiệu suất cao tiết kiệm năng lượng.
- 61 Vật liệu tử cao cấp phục vụ năng lượng, truyền thông, tự động hóa.

- 62 Sợi cáp quang sản xuất bằng công nghệ lai hóa sử dụng khí gas có độ tinh khiết cao.
- 63 Màn hình kim loại trên các loại vật liệu khác nhau chế tạo từ công nghệ bốc bay chân không PVD và CVD.
- 64 Vật liệu siêu dẻo, siêu dẫn. Vật liệu siêu bền, siêu nhẹ, thân thiện với môi trường cho xây dựng.
- 65 Thép hợp kim đặc biệt có độ bền cao dùng trong xây dựng.
- 66 Thép hợp kim không gỉ, hợp kim bền nóng, chịu mài mòn, chịu ăn mòn. Hợp kim đặc biệt dùng cho công nghiệp, ngành điện, đóng tàu, khí tài quân sự.
- 67 Sợi cacbon cường độ cao dùng cho vật liệu composit.
- 68 Vật liệu composit nền kim loại, composit nền cao phân tử dùng cho kỹ thuật điện, điện tử sử dụng trong môi trường khắc nghiệt.
- 69 Ống composit chịu áp lực cao và chống ăn mòn hóa chất dùng cho công nghiệp đóng tàu và các ngành công nghiệp khác.
- 70 Vật liệu polyme sinh học có khả năng tự phân hủy; polyme siêu hấp thụ nước sử dụng nguyên liệu nội địa.
- 71 Nhựa kỹ thuật độ bền kéo và module đàn hồi cao. Bánh răng, hộp giảm tốc, chi tiết cho chế tạo máy bằng nhựa kỹ thuật.
- 72 Vật liệu cao su kỹ thuật, cao su tổng hợp chuyên dụng phục vụ cho chế tạo máy, điện, điện tử, an ninh quốc phòng.
- 73 Vật liệu gốm sứ kỹ thuật cho công nghiệp điện, điện tử. Gốm ôxit zircon (thay ôxit nhôm, gốm ôxit titan, gốm cho động cơ đốt trong).
- 74 Vật liệu phục vụ quá trình thu, lưu trữ và chuyển hóa các nguồn năng lượng mới.
- 75 Vật liệu có độ bền chịu nhiệt, vật liệu cản xạ và chịu áp suất cao dùng để chế tạo vỏ lò phản ứng hạt nhân trong nhà máy điện nguyên tử.
- 76 Ván sợi nhân tạo (MDF), ván dăm nhân tạo (PB) đạt tiêu chuẩn EU. Xenlulo composit thay thế gỗ tự nhiên.

### **III. DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ CHO CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1483/QĐ-TTg ngày 26/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển)*

- Các loại khuôn mẫu: Khuôn mẫu có độ chính xác cao, khuôn đúc nhựa có độ chính xác cao;
- Các loại chi tiết cơ khí tiêu chuẩn chất lượng cao: Các loại đai ốc, bu lông, ốc vít có độ chính xác cao dùng cho các thiết bị điện tử, cơ điện tử, điện tử y tế, rô bốt công nghiệp;
- Các loại linh kiện điện tử, mạch vi điện tử để phát triển các thiết bị: Thiết bị ngoại vi, máy vi tính, đồ điện tử gia dụng, thiết bị nghe nhìn, pin mặt trời;
- Các cụm linh kiện, phụ tùng cho hệ thống thiết bị sản xuất điện năng từ năng lượng mới và năng lượng tái tạo;
- Các loại chi tiết nhựa chất lượng cao: Các bộ truyền động chính xác, các chi tiết có độ bền và tuổi thọ cao, chịu nhiệt và chịu mài mòn bằng nhựa.

### **IV. TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH DỰ ÁN SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 27/2006/QĐ-BKH-CN ngày 18/12/2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao)*

Dự án được lựa chọn đầu tư vào Khu công nghệ cao phải đáp ứng được các tiêu chuẩn sau đây:

1. Lĩnh vực hoạt động của dự án phải thuộc các lĩnh vực công nghệ cao được khuyến khích đầu tư theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28/8/2003 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Khu Công nghệ cao, bao gồm:

- a) Công nghệ thông tin, truyền thông và công nghệ phần mềm tin học;
- b) Công nghệ sinh học phục vụ nông nghiệp, thủy sản và y tế;
- c) Công nghệ vi điện tử, cơ khí chính xác, cơ - điện tử, quang - điện tử và tự động hóa;
- d) Công nghệ vật liệu mới, công nghệ nano;



đ) Công nghệ môi trường, công nghệ năng lượng mới;

e) Một số công nghệ đặc biệt khác.

**2.** Sản phẩm của dự án được sản xuất tại Khu công nghệ cao phải thuộc Danh mục các sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích đầu tư sản xuất do Ban quản lý Khu công nghệ cao công bố.

**3.** Chi cho nghiên cứu - phát triển của dự án

a) Tổng chi cho nghiên cứu - phát triển được thực hiện tại Việt Nam chiếm tỷ lệ không dưới 5% tổng doanh thu hàng năm hoặc chi hoạt động nghiên cứu - phát triển thực hiện tại Việt Nam chiếm tỷ lệ không dưới 1% tổng doanh thu hàng năm.

b) Nội dung chi nghiên cứu - phát triển và nội dung chi hoạt động nghiên cứu - phát triển được quy định tại Phụ lục 1 kèm theo.

**4.** Số lao động có bằng đại học trở lên trực tiếp tham gia nghiên cứu - phát triển của dự án phải đạt ít nhất 5% tổng số lao động của dự án.

**5.** Dây chuyền công nghệ của dự án phải đạt trình độ tiên tiến, đảm bảo các yêu cầu sau: sản xuất trên dây chuyền được chuyên môn hóa và tổ chức theo phương pháp tự động hóa, trong đó có ít nhất 1/3 (một phần ba) số lượng thiết bị tự động được điều khiển theo chương trình; được bố trí trong không gian làm việc đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh công nghiệp theo quy định của pháp luật Việt Nam.

**6.** Hệ thống quản lý chất lượng của dự án phải đạt các tiêu chuẩn quốc tế chuyên ngành (ví dụ như ISO 9000/2001, CMM hoặc GMP, v.v.); phải áp dụng hệ thống quản lý doanh nghiệp bằng máy tính.

**7.** Dự án phải tuân thủ các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trong lĩnh vực hoạt động của dự án theo quy định của pháp luật Việt Nam. Khuyến khích dự án đạt được các tiêu chuẩn quốc tế về môi trường như ISO 14000 hoặc tiêu chuẩn tương đương.

## Phụ lục 1

### CHI NGHIÊN CỨU - PHÁT TRIỂN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 27/2006/QĐ-BKH-CN ngày 18/12/2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ)*

**1.** Chi nghiên cứu - phát triển bao gồm: Chi xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho nghiên cứu; chi hoạt động nghiên cứu - phát triển; chi đào tạo cán bộ nghiên cứu.

**2. Chi xây dựng hạ tầng kỹ thuật cho nghiên cứu bao gồm:**

- a) Chi xây lắp cơ sở nghiên cứu, thí nghiệm, thử nghiệm.
- b) Chi mua sắm trang thiết bị nghiên cứu, thí nghiệm, thử nghiệm.
- c) Chi mua phần mềm máy tính, tài liệu kỹ thuật.

**3. Chi cho hoạt động nghiên cứu - phát triển bao gồm:**

a) Tiền lương, tiền công, phụ cấp cho các cán bộ nghiên cứu và phục vụ nghiên cứu; thù lao cho các chuyên gia nhận xét, phản biện, đánh giá các kết quả nghiên cứu; tiền công cho các đối tượng lao động khác tham gia và phục vụ nghiên cứu; chi hội thảo, hội nghị khoa học liên quan đến nội dung nghiên cứu của dự án.

b) Mua và vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hóa chất, nhiên liệu, năng lượng, phục vụ cho nghiên cứu.

c) Mua sản phẩm mẫu, tài liệu, số liệu quan trắc, số liệu điều tra, thông tin điện tử, văn phòng phẩm, vật dụng bảo hộ lao động, vật rẻ tiền mau hỏng phục vụ cho nghiên cứu.

d) Thuê cơ sở, trang thiết bị phục vụ cho nghiên cứu, thí nghiệm và thử nghiệm.

đ) Các chi phí sau đây không được tính vào chi hoạt động nghiên cứu - phát triển: Chi phí kiểm tra chất lượng sản phẩm hoặc kiểm tra định kỳ nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng; chi phí mua sắm công cụ, sản phẩm cho sản xuất; chi phí cho hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn; chi phí thu thập dữ liệu định kỳ không liên quan đến nghiên cứu; chi phí điều tra về hiệu quả hoặc nghiên cứu về quản lý; chi phí nghiên cứu về tiếp thị và quảng cáo bán hàng.

**4. Chi cho đào tạo cán bộ nghiên cứu bao gồm:** chi đào tạo dài hạn hoặc ngắn hạn cho các cán bộ nghiên cứu của dự án ở trong nước và ở nước ngoài.

